



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: Y NO

EXIT VISÁ #: ✓

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO #: 27

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN DINH LUONG
Last Middle First

Current Address: 10/11 Ng. Binh Khien Hue

Date of Birth: 04-02-1954 Place of Birth: Hue

Previous Occupation (before 1975) S. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04-75 To 09-31-1979
Years: 04 Months: 05 Days: 19

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HUE City August 26 . 1971

Đơn xin: NHẬP CƯ TẠI HOA KỲ

Kính gửi: Ông Giám Đốc Chương trình ODP, HO.
tại Hoa Kỳ.

Kính gửi: Bà Khúc Minh Thảo tại Hoa Kỳ.

Họ tên là: NGUYỄN-DÌNH-LƯƠNG

Sinh ngày: 02 . 4 . 1954 .

Địa chỉ: Số 10/11 Nguyễn-Bình-Khiêm
phường Phú Hiệp
Thành phố HUẾ

VIỆT-NAM

Tôi viết đơn này là kèm theo hồ sơ
đến ông Giám Đốc, Bà là Quý Cô quan
của Chính phủ Hoa Kỳ an ninh dân,
chức tước để giúp đỡ là tạo điều kiện
để đăng cho tôi, gia đình tôi sớm được
định cư tại Hoa Kỳ. Tôi cũng kính xin
Ông Giám Đốc, Bà là Quý Cô quan
của Chính phủ Hoa Kỳ xét duyệt hồ
sơ của tôi và cấp cho tôi di chúc giấy
"CHẤP NHẬN NHẬP CƯ" (L.O.I)
để cho tôi, gia đình tôi được an ninh
chống lại để đăng thì được Toàn Công
tác của Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Việt
Nam gọi lào tiếp xúc và phải kiến.
Trong khi chờ đợi sự cứu xét
và xét duyệt của Ông Giám Đốc,
Bà, Quý Cô Quan Tôi kính xin

Ông Giám đốc ; Bà và Quý Cỗ Quan nhân
nơi đây lòng Thành kính và Biệt dư .

Trân Trọng kính chào ..

HUE August 26 . 1992 .

Hy Tấn .

A large, stylized handwritten signature in black ink, appearing to read 'Moluong' or similar, with a long horizontal stroke extending to the right.

Nguyễn - Đình - Xuân

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONNER IN VIỆT-NAM.

I. BASIC INFORMATION ON EXPOLITICAL PRISONNER IN VIỆT-NAM.

1. Full name expolitical prisoner: NGUYỄN-ĐÌNH-LƯƠNG
2. Date and place of birth: April 02nd. 1954.
phủ Mỹ Huế Việt-Nam.
3. Parition before April 1975:
- Rank: First Lieutenant
 - Function: Artillery Observer.
 - Serial number: 74/216.508
4. Month/Date/year arrested: March 20. 1975.
5. Month/Date/year out of camp: September 31st. 1979
6. Photocopy release Certificate: No 83/CD September 31st. 1979
7. Present mailing address of expolitical prisoner:
- NGUYỄN-ĐÌNH-LƯƠNG
no 10/11 Nguyễn-Bình-Khiêm HUẾ VIỆT-NAM

8. Current address:

NGUYỄN-ĐÌNH-LƯƠNG
no 10/11 Nguyễn-Bình-Khiêm
HUẾ City VIỆT-NAM.

II LIST FULL NAME DOB AND POB EX PP IMMEDIATE FAMILY AND FATHER; MOTHER.....

1. Relatives to accompany with ex PP.

NAME	DOB	POB	RELATIONSHIP
1. THÂN-THỊ-MỘNG-HIỀN	April 12 nd 1956	phủ Cát HUẾ	Wife
2. NGUYỄN-ĐÌNH-MINH-MÂN	Sept. 20. 1987	phủ Cát HUẾ	Son

27- Complete family (living or deaths) of ex PP

NAME	ADDRESS
1- Nguyễn đình Nghi (death)	Nº 10/11 Nguyễn Bình Khiêm Huế City Việt Nam.
2- Hồ thị Lai	Nº 10/11 Nguyễn Bình Khiêm Huế City Việt Nam.
3- Nguyễn Thị Hoa	—
4- Nguyễn đình Hải	—
5- Nguyễn thị Hoàng	—
6- Nguyễn đình Phúc	—
7- Nguyễn đình Đức	—

III. RELATIVES OUT SIDE VIET NAM:

1- Closest relatives in US (name relationship) address:

2- Closest relatives in other Country: (Name relationship address)

IV. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY:

1- Re. Unification Until now:

2- Replied from Bangkok ODP relative to:

3- The ODP Bangkok LOI:

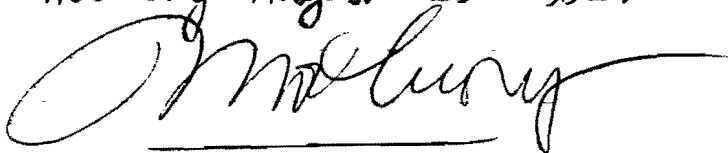
V. COMMENT REMARKS:

VI PLEASE LISTING HERE ALL DOCUMENTS ATTACHEND
TO THE QUESTIONNAIRE :

- 1/- A photocopy Release certificate.
- 2/- Three papers of Certificate.
- 3/- A photocopy Marriage Certificate.
- 4/- 6 pictures of all my family.
- 5/- A photocopy of Replomate Basic Army.
- 6/- A photocopy of Replomate Basic Artillery.
- 7/- Two passport of all my family.

MANY THANKS.

HUE 25 tháng 8 năm 1991.
HUE City August 25. 1991.



Nguyễn - Đình - Lương.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 190050013

Họ tên **THẦN THỊ MỘNG HIỀN**



Sinh ngày 12-4-1956

Nguyên quán Phong Hiền,
Hương Diên, B.T. Thiên

Nơi thường trú 19A Mạc Đình
Chi, Huế, B.T. Thiên

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo chấm cách 2cm
trên trước cánh mũi
phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 06 tháng 5 năm 1978

THỦ LƯU QUẢN LÝ CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY



Lê Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **190897022**



Họ tên **NGUYỄN DINH LƯƠNG**

Sinh ngày **02-4-1954**

Nguyên quán **Đô Lương**

Nghệ Tĩnh

Nơi thường trú **10/11 Nguyễn
Bỉnh Khiêm, Huế, B. T. Thiên**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo tròn 0cm⁴ x 3cm
trên sau đầu ngón
mày phải.

Ngày 15 tháng 8 năm 1981

ĐOÀN ĐOÀN HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

CHỖ TRƯỞNG

NGÓN TRỎ PHẢI



Vũ Văn Thành



Nguyễn Đình
Minh Mãn
1987



Nguyễn Đình
Minh Mẫn.

1987.



Thăm Tìn
Không Hiến
✓
1956.



Thôn Tân
Mãng Hiền
1956.



Nguyễn Đình
Diệu

1954. ✓



Nguyen Tinh
Linh
1954

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N° PT 454/91-ĐC1

Họ và tên *Full name*

NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG

Ngày sinh *Date of birth*

1954

Nơi sinh *Place of birth*

Thị trấn - Huế

Chỗ ở *Domicile*

Thị trấn - Huế

Nghề nghiệp *Occupation*

Chiều cao *Height*

Vết tích đặc biệt khác *Other particular signs*



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

04. 01. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 1991

Issued at

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

(Signature)

Nguyễn Phương

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Nguyễn Đình Minh Tuấn

Ngày sinh Date of birth

1984

Nơi sinh Place of birth

Thừa Thiên - Huế

Họ và tên Full name

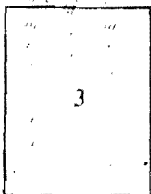
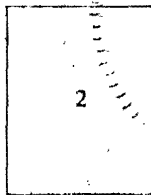
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số: 454 XCCấp cho: Ông Nguyễn Đình LươngCông vụ: viết công emĐến nước: Hợp chúng quốc Việt NamQuê cũ: Định Yên - Hà BắcTrước ngày: 04 - 7 - 1991Hết ngày: 04 tháng 01 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Nguyễn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 456 / 91 - DC₁

Họ và tên Full name

THÂN THỊ MÔNG HIÊN

Ngày sinh Date of birth

1956

Nơi sinh Place of birth

Thị trấn - Huế

Chỗ ở Domicile

Thị trấn - Huế

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

04. 01. 1996

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 04 tháng 01 năm 1994

Issued at

on

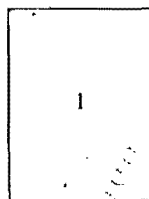
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Tổng phòng

[Signature]

Nguyễn Phương

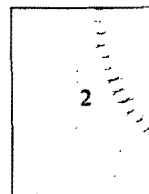
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

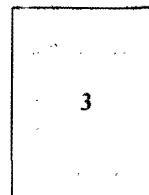
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

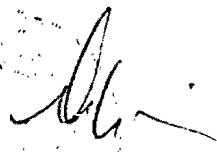
THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 456 XS

Gấp cho Thân Chi Mông BiênCung với / linh embên nước: Thị trấn quốc gia MỹLao của khẩu: Bản Sơn N. háttrước ngày 04.7.1991Hàng ngày 04 tháng 01 năm 1991

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng


Nguyễn Phương

Tỉnh Thành phố
Hải Phòng
Quận, Huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyển số 02
Số 7/80

Xã, Phường

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ: THÀNH THI MỘNG HIỀN

Sinh ngày: 12-10-1951

Quê quán: Ấn Độ

Nơi đăng ký thường trú: 10/1 Ng. B. P. 1. P. 1. Q. 1. H. P. 1.

Nghề nghiệp: Nhà C. 3

Dân tộc: H. 3 Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu: 190050013

Họ và tên người chồng: NGUYỄN B. 1. Q. 1. H. P. 1.

Sinh ngày: 25-11-1951

Quê quán: Ấn Độ

Nơi đăng ký thường trú: 10/1 Ng. B. P. 1. P. 1. Q. 1. H. P. 1.

Nghề nghiệp: Nhà C. 3

Dân tộc: H. 3 Quốc tịch: Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu: 15807032

Kết hôn ngày 20 tháng 12 năm 1986

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng



ỦY VIÊN THỦ KẾ
Le Ba

Ngày đăng ký: 12/12/1986
2K
HLC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

BO NOI VU CONG HOA VI HOI CHU NGHIA VI NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 23 Đ Huế, ngày 29 tháng 8 năm 1979

L E N H T H A

Căn cứ thông tư số 220/TTC và thông tư số 342 ngày 14/4/1978 và ngày 24/6/1978 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kết thúc và giải hạn đối với các binh sĩ, phần viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các tổ chức chính trị, đang phải phân công biên chế bị tập trung giam giữ tại trại cải tạo trong tỉnh.

8. Thi hành quyết định của số 20.02 / 79 ngày 31 tháng 8 năm 1979 của Ủy ban tỉnh ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

TRƯỞNG TỊCH CÔNG AN BINH TRI KIỂM

RA L E N H T H A

Họ và tên : Nguyễn Đình Cường
Ngày tháng năm sinh : 1954
Vũ quán : 10/11 Nguyễn Bình Kiên Huế
Trú quán : CMT
Cấp bậc : chức vụ trong bộ máy chính quyền cũ : chức
đô sú : Thừa ủy quyền quản (pháp luật)

Khi về phải theo tiến trình của ngay với Ủy ban nhân dân, Công an xã Phú và Công an huyện Hương Thủy thuộc tỉnh Bình Trị Thiên và phải chịu sự quản chế của chính quyền địa phương từ trong thời hạn 12 tháng các quy định của Ủy ban nhân dân các cấp về việc cư trú và chế độ mặt quan lý khai.

K/T TRƯỞNG TỊCH CÔNG AN BINH TRI KIỂM



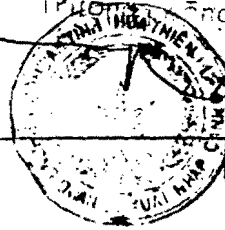
TRẦN BÌNH DẠCH

Ngày 29/8/79

CỘNG HÒA VIỆT NAM

Xét như sau: Nguyên tính Lữ, sinh năm: 1954
vào trại cải tạo ngày: 20. 12. 1975. Về tỷ lệ
gạo trong bộ máy chính quyền. Chỉ để cơ. /

CỘNG HÒA VIỆT NAM



ĐẠI LÃNG NGUYỄN ĐÁ HOÀ

Tên
Province
Phủ, Huyện
Circonscription
Làng, Phường
Village, Quartier

GIẤY KHAI SINH

(ACTE DE NAISSANCE)

Số hiệu 61
(N°)

Tên họ người con mới sinh <i>Nom et prénom de l'enfant</i>	NGUYEN-DINH-LUONG
Quốc-tích <i>Nationalité</i>	Việt-Nam
Con trai hay con gái <i>Garçon ou fille</i>	Con trai (Garçon)
Sinh ngày, tháng, năm nào : <i>Date de naissance</i>	ngày mùng hai tháng tư năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn (Le deux Avril mil neuf cent cinquante quatre)
Sinh tại đâu : (Làng, huyện, tỉnh nào) <i>Lieu de naissance</i>	Phường Phu-My Thành-phố Huế Quartier de Phu-My Ville de Huế
Tên, họ, tuổi, nghề nghiệp sanh quán, chánh quán và chỗ ở của người cha : (Chỉ cha mẹ có giá-thủ hợp phép hay tuy không có giá-thủ hợp phép nhưng người cha khai nhận đưa mới sinh là con mình thời khoản này mới phải kê khai) <i>Nom et prénom âge profession, origine et domicile du père</i>	Nguyễn-dinh-Nghi 39 tuổi Cảnh-Binh số 79 sanh chánh quán làng Long-diên, Anh-Son Nghệ-An trú quán phường Phu-My Huế (Nguyễn-dinh-Nghi 39 ans agent de Police N° 79 originaire Long-diên-Anh-Son Nghệ-An domicile quartier de Phu-My ville de Huế)
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp sanh quán, chánh quán và chỗ ở của người mẹ : (Nếu người khai không biết mẹ đưa con mới sinh là ai thời khoản này đề trống) <i>Nom et prénom âge, profession origine et domicile de la mère</i>	Hồ-thị-Lai 24 tuổi, buôn bán sanh chánh quán phường Phu-My thành-phố Huế (Hồ-thị-Lai, vingt quatre ans, commerçante originaire et domicile quartier de Phu-My ville de Huế)
Ngôi thờ của người mẹ : (nếu cha mẹ có giá thủ hợp phép thì kê bên này : vợ chánh « vợ kế hay vợ thứ ») <i>Femme légitime ou de second rang</i>	Vo chánh thật (Femme légitime)
Tên, họ, tuổi, nghề-nghiệp, sanh quán chánh quán và chỗ ở của người khai : <i>Nom et prénom, âge, profession origine et domicile du déclarant.</i>	Nguyễn-dinh-Nghi, 39-tuổi Cảnh-Binh số 79 sanh chánh quán làng Long-diên Anh Son Nghệ-An, trú quán Phường Phu-My thành-phố Huế (Nguyễn-Dinh-Nghi 39 ans agent de Police Ville de Huế originaire Long-diên Anh-Son Nghệ-An domicile du quartier de Phu-My Ville de Huế)

Lẽ chưa đề lượt biên án
tòa sửa giấy khai này lại
hoặc đề biên các cước chú
khác.

Tên, họ, tuổi nghề-nghiệp sanh quán chánh-quan và chỗ ở của người làm chứng thứ nhất. Nom et prénom, âge, profession, origine domicile du 1er témoin	Nguyễn-van-Tâm, 35 tuổi, Canh-Binh sanh chánh quán làng Phu-cat Thành-phố Huế (Nguyễn-van-Tâm 35 ans origin-ire et domicile du quartier de Phu-cat Ville de Huế, agent de Police)
Tên, họ, tuổi nghề-nghiệp sanh quán chánh quán và chỗ ở của người làm chứng thứ nhì. Nom et prénom âge profession, origine et domicile du 2è témoin	Nguyễn-Tuông, 39 tuổi buôn bán sanh chánh quán làng Phu-Luong tru quán Phường Phu-My thành-phố Huế Nguyễn-Tuông, 39 commerçant, originaire et domicile du quartier de Phu-My Ville de Huế

Giấy này làm tại (fait à) Phường Phu-My thành-phố Huế (quartier Phu-My Ville Huế)
 Ngày (le) Hai mươi bảy tháng tư năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn
 (Vingt sept Avril mil neuf cent cinquante quatre)

NGƯỜI KHAI
 (Le déclarant)

NGUYEN-DINH-NGHI

Người làm chứng thứ nhất
 (Le 1er Témoin)

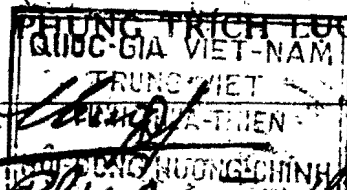
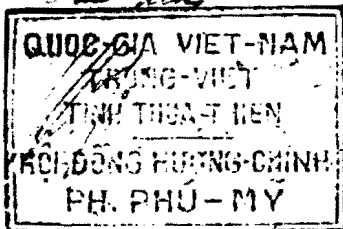
Người làm chứng thứ nhì
 (Le 2è Témoin)

Ủy viên Hộ tịch (1)

NGUYEN-VAN-TAM

NGUYEN-TUONG

Hộ tịch



Phạm Duy
Ngày 27 tháng 4 năm 1955

Khoản trong này đã công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này.

CHUNG-NHAN CỘNG-NGUY-CỦA
 ỦY-TỊCH HỘI-ĐỒNG HƯƠNG-CHINH
 PHƯỜNG *Phu-My*

NGÀY *7* THÁNG *4* NĂM 1955

TỈNH THUA-TIEN

HỘI-TRƯỞNG QUẢN-CANH-SAT TÁ-THIÊN

Miên-thuê
 Giấy này dùng để

PHẢI HIẾT: Chỗ trống không dùng phải kéo một nét mực.
 (Chỗ này Hộ tịch phải điền tên họ người đ/ký ở nan chánh trong xã không phải lấy chữ ký)

GIẤY KHAI SINH

~~Thôn - Thuận.~~
~~Xã - Hòa Bình.~~
~~Xã, Phường - Phú Cát.~~

Họ, tên, người con mới sinh.	THÂN - THỊ HỒNG - HIỀN.
Quốc tịch	Việt-Nam.
Con trai hay con gái.	Con - Gái.
Sinh ngày, tháng, năm nào.	Ngày thứ Hai tháng Tư năm một ngàn - chín trăm năm mươi sáu (12-4-1956)
Sinh tại đâu, (Làng, Quận, Tỉnh nào)	PHƯỜNG PHU - CAT.
Họ, tên, tuổi, nghề nghiệp sanh quán, chánh quán và chỗ ở của người cha (nếu cha mẹ có giấy giá thú hợp lệ, hay tuy không có giấy giá thú hợp pháp nhưng người cha khai nhận đưa con mới sanh là con mình thời khoản này mới phải kê khai)	THÂN - NGUYỄN. 33 Tuổi, Phu Trưởng, Sinh Chánh Quán - An Lộ Phong Điền Thuận-Thiên. Trú Quán Phú Cát.
Họ, tên, tuổi, nghề nghiệp sanh quán, chánh quán và chỗ ở của người mẹ đẻ. người khai không biết mẹ đẻ con mới sanh là ai thời khoản này bỏ trống.	NGUYỄN - THỊ - GA. 27 Tuổi, Nội - Trợ, Sinh Chánh Quán An Lộ Phong Điền Thuận-Thiên Trú Quán Phú Cát.
Ngôi thứ của người mẹ (Nếu cha mẹ có giấy giá thú hợp pháp thì kê rõ vợ chánh, kế hay vợ thứ).	Vợ-Chánh.
Họ, tên, tuổi, nghề nghiệp sanh quán, chánh quán và chỗ ở của người hay những người khai	THÂN - NGUYỄN. 33 Tuổi, Phu Trưởng, Sinh Chánh Quán - An Lộ, Trú Quán Phú Cát.

đó mà lược bỏ An-
tôn tên / khai này lại hoặc
đó biến các cuộc chú khác

Họ tên, tuổi, nghề nghiệp sanh quán và trú quán của người làm chứng thứ nhất.	ĐÀO - LỢ. 45 Tuổi, Phu Xa, Sanh Chánh Quan An-Lưu, Phu Va ng, Thừa Thiên. Trú Qua ở Phu Cat.
Họ tên, tuổi nghề nghiệp sanh quán và trú quán của người làm chứng thứ nhì.	NGUYỄN - TRAI. 44 Tuổi, Phu Xa, Sanh Cha nh Quan Hường, Cần Hường Trà Thừa-Thiên, Trú Qua ở Phu Cat.

I SƯỞI KHAI
THÂN - NGHI.

Giấy này làm tại PHU - CAT.

ngày Hai mươi Tám tháng Tư Năm

Một ngàn Chín trăm năm mươi Sáu (28-4-1956)

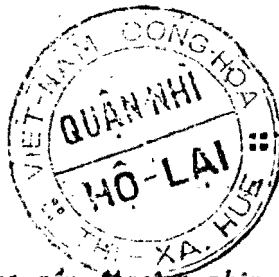
Người làm chứng thứ nhất (1)
ĐÀO - LỢ.

Người làm chứng thứ nhì
NGUYỄN - TRAI.

Uy-viên hộ-tịch
PHAN - SƠN.

PHỤNG TRÍCH LỤC

Uy-viên Hộ-tịch QUÂN - NHỊ.



[Handwritten signature]

NGUYỄN-PHI-CÂN

Khoản trông này đã công nhận các chỗ sửa trong tờ khai này

PHẢI BIẾT Chỗ trông không công phải kéo một nét mực.

(1) Chỗ này Uy-viên hộ-tịch phải ghi rõ họ tên, họ người đã ký ở bản chính trong sổ không phải lấy chữ ký

BAN NHÂN DÂN
Xã phường Phước Cát
Huyện, Quận
Tỉnh, Thành phố Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TPHT
Số 246
Quyển 03



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên NGUYỄN - DINH - MINH - MÂN Nara hay Nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh 20 - 9 - 1987
(Hai mươi tháng Chín năm chín tám bảy)
Nơi sinh Phước Cát Huế
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Thân Thị Hồng Hiền</u>	<u>Nguyễn Đình Lương</u>
Tuổi	<u>34 tuổi</u>	<u>33 tuổi</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Thợ may</u>
Nơi thường trú	<u>10/11 Mạc Đình Chi Phước Cát Huế</u>	<u>10/11 Nguyễn Bình Khiêm Phước Cát Huế</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn - Đình - Lương 33 tuổi 10/11 Nguyễn Bình Khiêm Huế
CMND Số 190897022

Từ Đăng ký ngày 28 tháng 5 năm 90

Người đứng khai ký

Nguyễn Đình - Lương
Nguyễn - Đình - Lương

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
Nguyễn Đình - Lương

6122
6.392
ĐN
T1

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :162...../XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Anh Nguyễn Đình Lương

Hiện ở : Số 10/11 Nguyễn Bình Khiêm, H.N.

1/ Chúng tôi đồng ý cho anh cùng 02 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 02 hộ chiếu cho gia đình, số :

454 / 21 / 861
456 / 21 / 861

(gửi kèm theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H27 chuyển Bộ Ngoại giao đề chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phòng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo đề anh yên tâm.

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 1994

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Lữ Thị Duyên

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Quan-Úy Nguyễn-Tĩnh-Lương SỐ : 74/216.508
đã theo học có kết quả Quan-Ban Sĩ-Quan 5 B + 7 + 11/72 Pháo-Binh
từ ngày 18 tháng 09 năm 1973 đến ngày 16 tháng 02 năm 1974
với điểm trung - bình 13,873 / 20 . Thúc hạng 30 / 169

THỊ - NHẬN SỐ

0294

(Cham - chiếu _____)

Kbc. 4883, ngày 16 tháng 02 năm 1974
ĐI - T H C - S I - K A I
Chỉ huy trưởng trường Pháo binh L. V. N. C. H.

[Signature]

Trường Hạ Sĩ Quan QLVNCH

Chỉ-Huy Trường

Chứng nhận SVSQTB Nguyễn - Linh - Lương SQ: 74/216508

đã theo học có kết quả Chương - trình Huấn - luyện

SVSQTB tại Trường Hạ Sĩ Quan QLVNCH và được cấp phát

Quân bằng:

TỐT NGHIỆP SĨ - QUAN CĂN BẢN BỘ - BINH

KBC. 4311, ngày 21 tháng 8 năm 1973.

Chuẩn Tướng VÕ VĂN CẢNH

CHỈ HUY TRƯỞNG TRƯỜNG HẠ-SĨ-QUAN QLVNCH



002840

Số H	Họ tên & thường gọi khác	Quan hệ chủ hộ	Ngày tháng năm Sinh		Số & nội cấp giấy chính, nhân dân	Ngày nhập hộ đang làm việc	Ngày làm việc chuyển đến	Ngày làm việc chuyển đi
			Nam	Nữ				
1-	Thân Nghi	Chủ hộ	1921					
2-	Nguyễn Thị Già	Vợ		1929				
3-	Thân Thị Hoàng Hiền	Con		1956				
4-	Thân Anan	Con	1958					
5-	Thân Anan Dũng	Con	1965					
6-	Thân Thị Hoàng Hương	Con		1967				
7-	Thân Trung Thuận	Con	1969					
8-	Hồ Thị Lê	dân		1958				
9-	Nguyễn Đình Minh Mân	Cháu	1987					

* Xác nhận của Đoàn Công an phường Phú Cát Huế -

Hồ: Thân Nghi có Hồ khẩu tại địa phương
19⁴ Mac An chỉ gồm (chín) 9) người. Trên
nay bị thất lạc.

ngày 25/5/90



ĐOÀN CÔNG AN

Đoàn Công an

Trần Trọng Kinh Cháu -
Huê ngày 21 tháng 5
Ký tên

(Signature)

Thân Thị Hoàng Hiền

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
Độc lập tự do Hạnh Phúc.

Đơn xin xác nhận Tên họ -

Kính gửi: Đơn Công An Phường Phú Hiệp Huế -

Tên là: Nguyễn - Đình - Lương

Sinh ngày: 02 - 4 - 1954 -

Số CMND: 190898022 Cấp tại Huế ngày 15-8-81

Nơi đăng ký tạm trú: 10/11 Nguyễn - Bình - Khiêm Huế

Nơi đăng ký tạm trú: 10/11 Nguyễn - Bình - Khiêm Huế

Lý do: Để thiết lập hồ sơ và xin xác
nhận các giấy tờ hộ tịch.

Kính khi chờ đợi sự xem duyệt và xác nhận
của quý đơn: tôi xin hết lòng đa tạ và
bách ơn.

xác nhận

Huế ngày 9 tháng 5 năm 1990.
Lý tên.

MUS Nguyễn Đình Hồng sinh 1954

Bước thập 10/1985 gô thính tu

tại 10/11 Nguyễn Bình Khiêm Huế

sau đi rập địa phương nên đã

xóa tên - đây chỉ về lại và Nguyễn Đình - Lương

đã nộp hồ sơ xin nhập lại

hộ khẩu KT 3 - chủ hộ tại

thị trấn Sài Sơn số 517.

phủ Hiệp - ngày 9-5-1990



Thượng tá Lê Văn Hiệp.

From: NGUYEN DINH LUONG
10/11 NGUYEN DINH KHIEM
AVE - VN

OR TUAN NGUYEN

EL TORO, Ca 92630
USA

KYX

SEP 04 1991

To: Mrs. KHUC MINH THO
P.O. BOX 5435
ARLINGTON - VA.
22205 - 0635
U.S.A.

